



CÔNG TRÌNH “KỸ THUẬT CỦA DÂN TỘC AN NAM” CỦA HENRI OGER – BƯỚC KHỞI ĐẦU CỦA NHÂN HỌC KỸ THUẬT Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM

Olivier Tessier, Philippe Le Failler*

Bộ sách *Kỹ thuật của dân tộc An Nam* của Henri Oger là thành quả của một nghiên cứu mới lạ về nền văn minh vật chất của Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX. Cùng với một thợ vẽ người Việt, tác giả đã đi khắp các đường phố Hà Nội và các vùng ven đô để thống kê và ghi lại sự phong phú đa dạng tuyệt vời của các ngành nghề thủ công và các hoạt động buôn bán được dân tộc nhỏ bé này phát triển, đồng thời ông cũng không hề bỏ qua bất kỳ khía cạnh nào của đời sống riêng tư và công cộng ở thời kỳ này. Hơn 4.000 tư liệu nhờ vậy đã được thu thập dưới hình thức các hình vẽ và ký họa – nguồn tài liệu cho phép chúng ta thấy được vô vàn những cách thức, cử chỉ, công cụ và sản phẩm thủ công kèm theo những tên gọi dân gian dành cho chúng.

Trung tâm tại Hà Nội của Viện Viễn đông bác cổ (EFEO) trên cơ sở hợp tác với Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã đề xuất tái bản nguyên vẹn bộ sách này với phần bổ sung là bản dịch ra chữ quốc ngữ toàn bộ các thuyết minh và lời chú gốc chữ Hán và chữ Nôm.

Ngoài giá trị thẩm mỹ không thể phủ nhận của các bức vẽ – điều làm cho ấn phẩm này trở thành một cuốn sách nghệ thuật thực sự, thì bộ sách còn là chứng cứ duy nhất về tính chất đa dạng của các ngành nghề thủ công dân gian tồn tại ở miền Bắc Việt Nam đầu thế kỷ trước. Vì lẽ đó, đây là một tổng tập tư liệu hoàn chỉnh hữu dụng đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài khi họ muốn tiến hành việc tái dựng lịch sử hay thực hiện phân tích những động năng của hệ thống kỹ thuật thông qua một nghiên cứu đối sánh với các thông lệ ngày nay.

* Viện Viễn đông bác cổ (EFEO) Hà Nội.

Mục tiêu của bài viết là giới thiệu những nét đại cương của nghiên cứu độc đáo này trên cơ sở nhấn mạnh tầm vóc của công việc đã được Henri Oger thực hiện cũng như tính chất tiên khu của nó trong lĩnh vực nhân học kỹ thuật.

Các hình vẽ, bối cảnh và tình bằng hữu: hành trình đặc biệt của chàng trai trẻ Henri Oger

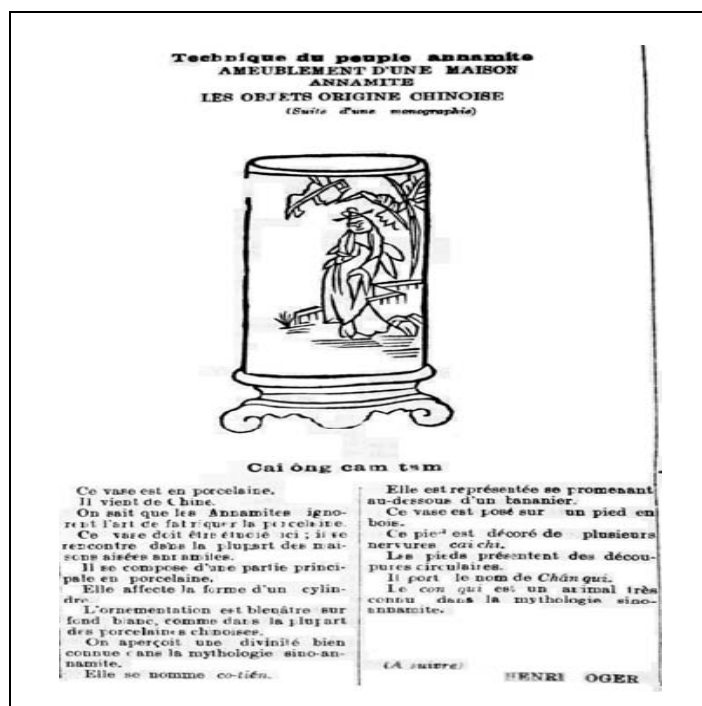
Henri-Joseph Oger sinh tại Montrevault (Maine-et-Loire) ngày 31/10/1885. Sau khi lấy bằng Tú tài, ông đăng ký vào Trường Cao học Thực hành (Ban IV) là nơi ông theo học Louis Finot và Sylvain Lévy. Ông đã thực hiện hai năm nghĩa vụ quân sự tự nguyện tại Hà Nội (1908 – 1909), và sau đó theo học tại Trường Thuộc địa (1909). Hai năm thực hiện nghĩa vụ quân sự chính là khoảng thời gian Oger đã miệt mài theo đuổi nghiên cứu mô tả nền văn minh vật chất của Việt Nam.

Vào đầu thế kỷ XX, xứ Bắc Kỳ mà Oger khám phá là một xứ Bảo hộ được thành lập còn chưa lâu, mới chừng hai mươi năm, ngang với tầm tuổi của ông. Bận rộn với những hoạt động của đời sống thường nhật, đám đông nông dân vùng châu thổ sông Hồng, khoảng bảy triệu người, hao tổn sức lực để thu nhật từ đồng ruộng những vụ thu hoạch thường không đủ để đảm bảo cho sự sinh tồn của họ. Bên cạnh họ là một số lượng nhỏ cư dân đô thị, được cấu thành từ những chủ buôn bán và thợ thủ công mà phần đông có gốc rễ nông dân, những người mà chúng ta thấy lại được hình ảnh lâu đời của họ được khắc hoạ trong tổng tập hình vẽ và ký hoạ của Henri Oger. Đó còn là mảnh đất nơi những kẻ mạnh áp chế những kẻ yếu thế của một xã hội thuộc địa khắc nghiệt mà có đến ba phần tư trong số đó là những viên chức kiêu kỳ, và bao quanh họ là những kẻ xu nịnh đang săn tìm một khu đất nhượng hay một vị thế độc quyền. Đó cũng còn là một xứ Đông Dương đầy rẫy những kẻ phiêu lưu háo hức trước cái thế giới mới mở ra trước họ. Cái xã hội nhỏ bé với bốn ngàn người Âu này sống khép kín và để giải trí nó có một nhà hát, một câu lạc bộ, những sàn khiêu vũ và một trường đua ngựa; ngoài ra còn có vô số những quán café là nơi rượu áp-xanh tuôn chảy, những “lầu xanh” và những tiệm hút thuốc phiện – nét chấm phá ngoại lai duy nhất trong chính thể này. Chính thành phố Hà Nội với vẻ đồ dẫn tinh lẻ để đánh lừa ấy là nơi đã Henri Oger đặt chân năm 1908.

Vị thầy hướng đạo mà Henri Oger đã tự chọn cho mình, “người bạn tâm tình trong thời buổi đầy hoài nghi” mà ông đã dành lời đề tặng trong cuốn sách của mình không phải ai khác hơn là nhà thơ, luật sư và nhà báo Jean Ajalbert (1863 – 1947). Chàng trai trẻ bị ấn tượng bởi sự hấp dẫn và thái độ nhập cuộc của con người mang tư tưởng ủng hộ Dreyfus ngay từ buổi ban đầu này, cây bút thời luận cho các tờ *Nhân quyền*, *Niên lịch về vấn đề xã hội*, người gần gũi và ủng hộ những người theo chủ nghĩa vô chính phủ. Đám trách việc biên tập cho các tờ *Nhật báo*, *Tương lai Bắc Kỳ*, hiệu kỳ trước xứ Đông Dương nơi ông sinh sống, Ajalbert trải qua năm tháng

đã trở thành một tiểu thuyết gia và là cây bút viết nhiều. Ở Đông Dương, chủ yếu là với tư cách là nhà bút chiến sắc sảo, ông đã tạo dựng cho mình danh tiếng là người chuyên công kích không biết mệt mỏi những lệch lạc ở xứ thuộc địa¹.

Có vẻ như Ajalbert đã có một ảnh hưởng thực sự đối với chàng trai trẻ Oger, đến mức mà Oger còn có ý định xuất bản một tiểu sử về nhà báo này². Tình bằng hữu nối kết hai người với nhau có được là do họ có chung một sở thích gặp gỡ những người bình dân, và do sự tiếp xúc trực tiếp nhờ vào việc học ngôn ngữ. Chính vì lẽ đó mà Ajalbert đã dành cho Oger các cột báo trên tờ *Tuong lai xứ Bắc Kỳ* là nơi cứ hai ngày một lần lại đăng những hình vẽ kèm theo các chỉ dẫn ngắn. Thực sự mà nói thì những chỉ dẫn được tập hợp trong mục “Nghiên cứu Đông Dương” này không cho thấy mấy giá trị xét từ góc nhìn khoa học. Một trong số những hình vẽ đơn giản nhất kèm theo một lời giải thích vắn tắt về các vật dụng và vẽ bối cảnh không chứng tỏ được một tri thức dù còn là sơ lược về chủ đề nghiên cứu. Tóm lại, có thể nói Oger là một người quan sát giỏi và biết cách mô tả nhưng lại không giải thích và ở ông vẫn còn thiếu sự chặt chẽ.



Sự tương phản với những bài báo đã từng được Gustave Dumoutier công bố mười năm trước đó trên cùng một tờ báo rõ ràng là đem lại lợi thế cho Dumoutier. Nhân vật giữ vai trò khởi xướng và đã qua đời năm 1904 này cũng sử dụng lối vẽ bằng nét thể hiện đầy say mê và giản dị. Song các hình vẽ của ông không phải là nguồn nguyên liệu thô mà chủ yếu chỉ là một chút thú vị về mặt thị giác trong một bài viết có chiều sâu và là minh họa cho một phân tích đích thực. Maurice Durand đã không lầm về điều này và, dù không phải là không biết đến cuốn sách của Oger, ông đã khai thác chủ yếu công trình của Dumoutier để lấy từ đây nguồn

tranh minh hoạ cho cuốn sách *Hiểu biết Việt Nam*³ của mình, bởi lẽ ông tìm thấy ở những hình vẽ của tác giả này một dấu ấn Việt Nam điển hình.

Vả lại thì Oger cũng vui vẻ thừa nhận việc ông kế thừa các bậc tiên khu là Luro, Dumoutier, Friquegnon hay cả Cha Cadière. Ông không hề có tham vọng cách tân, mà chỉ mong muốn tập hợp được các nguồn tri thức. Tuy nhiên, lòng nhiệt tình ban đầu của ông, thể hiện qua lời thông báo về chừng mười cuốn sách đang được chuẩn bị, có thể đã bị coi là thể hiện một thái độ thiếu khiêm tốn và đã khiến ông phải gánh chịu những sự ganh ghét.

Cảm nhận này được Henri Oger làm rõ hơn bằng vài từ trong phần lời nói đầu của bộ sách: “Tác giả hơn nữa đã buộc phải làm việc mà không nhận được sự trợ giúp của bất kỳ cơ sở khoa học nào đóng tại đây để hiểu rõ hơn về xứ An Nam”. Ở đây cần phải hiểu là tác giả nói tới Trường Ngôn ngữ Phương Đông và đặc biệt là Viện Viễn đông bác cổ. Được tạo lập vững chắc tại xã hội thuộc địa, cơ quan học thuật này đã không thể hiện chút khoan dung nào và bày tỏ một thái độ coi thường ra mặt đối với những người tự học truy tầm hiểu biết. Nói thẳng ra là Oger đã bị đối xử như là một kẻ dối trá, bị buộc tội đạo văn và, nếu như việc xuất bản công trình *Kỹ thuật của dân tộc An Nam* của ông là một hành động tự nguyện cũng như là một sự thách thức, thì những kẻ gièm pha ông đã phản ứng lại bằng một sự coi thường ngấm ngấm mà số lượng bản in ít ỏi của lần xuất bản đầu tiên càng góp phần củng cố thêm: hệ quả là những thư mục lớn về Đông Dương đều không nhắc tới sự tồn tại của công trình này.

Tuy nhiên, cũng cần nhớ lại rằng chính quyền thực dân lúc đó cũng chẳng lấy gì làm thích thú về việc giới “học giả”, những nhà học giả của nó, có thái độ quan tâm quá mức đến những đám cư dân mà nó cai trị. Vì đã bỏ qua chính quyền vào năm 1906, và đã phản ánh một cách thận trọng những tham vọng chính trị của những nhà cải lương người Việt Nam, EFEO đã bị nhắc nhở và tờ tạp chí của cơ quan này (BEFEO) đã được đặt dưới cơ chế kiểm duyệt. Do vậy, việc các nhà nghiên cứu gần như chỉ chú tâm thực hiện những nghiên cứu về Ấn Độ và Trung Hoa vừa là do họ đam mê với những nền văn minh cổ xưa song cũng còn là do họ muốn tự bảo vệ mình. Chỉ về sau này và từng bước một thì EFEO mới bắt đầu có sự chuyển hướng để cuối cùng thì đặc biệt quan tâm tới các tầng lớp cư dân và các kỹ thuật của đời thường, điều đã được minh chứng bởi kho lưu trữ ảnh khổng lồ của cơ quan này – nguồn tư liệu cân xứng tuyệt hảo với những ký hoạ của Oger.

Một cái nhìn mới lạ về nền văn hoá vật chất của Việt Nam đầu thế kỷ XX

Tiêu đề mà Pierre Huard đặt cho bản giới thiệu vấn tắt tiểu sử của Henri Oger năm 1970 mang tính chất đặt vấn đề: “Nhà tiên khu của nghiên cứu kỹ nghệ Việt

Nam, Henri Oger (1885 – 1936?)”⁴. Tuy vậy, cần phải đặt tiêu đề này trong bối cảnh cụ thể và làm rõ được tại sao tác giả này lại có thể được xem như là một nhà tiên khu.

Vào đầu thế kỷ XX, nghiên cứu khoa học về văn hoá dân gian Việt Nam chủ yếu do Gustave Dumoutier (1850 – 1904) tiến hành. Các kết quả nghiên cứu của ông được xuất bản sau khi ông qua đời trong một loạt các bài đăng trên tờ *Tạp chí Đông Dương* (từ 15/3/1907 đến 15/2/1908) dưới tiêu mục “Tiểu luận về người Bắc Kỳ”. Cũng như tác giả nổi tiếng này, chàng trai trẻ Henri Oger không hề che giấu tham vọng của mình là đạt được một sự thông hiểu sâu sắc về xã hội thuộc địa và chính vì vậy mà ông đã chỉ trích thái độ coi thường của các học giả lúc đó đối với dân tộc nhỏ bé và những thực tiễn sinh hoạt của dân tộc này. Tham vọng khoa học của hai người này không mấy khác biệt. Gustave Dumoutier phát triển một lối tiếp cận tổng thể đối với xã hội và các thiết chế của nó. Để làm việc này, ông đã thực hiện một loạt nghiên cứu chuyên đề nhằm phục nguyên những diện mạo khác nhau gồm cộng đồng làng xã An Nam, gia đình, đồ ăn thức uống, y học, những thói mê tín và tín ngưỡng, v.v... Ví dụ, trong bài viết về “Trò chơi, phong tục và nghề”⁵, ông đã giới thiệu một loạt nghề thủ công dưới hình thức những chuyên khảo ngắn thể hiện sự tra cứu tài liệu công phu và có kèm minh hoạ là các hình vẽ tái hiện một thao tác kỹ thuật, một công đoạn sản xuất, ví dụ như cảnh một xưởng làm đồ sơn mài. Đối với ông, hình vẽ trước hết mang giá trị minh hoạ chứ không mang giá trị nội tại là trụ đỡ cho một mô tả hoặc một phân tích cụ thể.



Còn Henri Oger lại có cách tiếp cận khác. Như đã được ông nhấn mạnh trong phần lời nói đầu của bài đề dẫn, ông đi theo nguyên tắc “thực trạng của nghiên cứu Đông Dương và Hán học đặc biệt đòi hỏi việc xây dựng những tập hợp tư liệu và thống kê danh mục”. Với niềm tin vững chắc này, ông đã chuyên tâm vào việc xây dựng một tổng tập về những khía cạnh khác nhau của đời sống vật chất, các nghệ thuật và ngành nghề thủ công của dân tộc An Nam. Nỗ lực đạt

được sự đầy đủ trong một lĩnh vực không thể rộng hơn nữa là một trong những nét độc đáo đáng chú ý của công việc mà Henri Oger đã tiến hành và chính điều này đã khiến ông trở thành một nhà tiên khu. Tham vọng của ông là phác ra một bức tranh đậm nét toàn thể nền văn minh vật chất của Việt Nam trong khi Gustave Dumoutier mới chỉ dừng lại ở những đường nét ban đầu là nghiên cứu một số hoạt động thủ công để làm cơ sở cho một sự suy tư về xã hội Việt Nam được xem xét trong tính tổng thể của nó.

Ngoài sự thoả mãn hoàn toàn chính đáng mà Henri Oger biểu lộ do đã thành công trong việc một mình ông đã tiến hành một công việc quy mô lớn như vậy, tức là thực hiện mà không có sự hỗ trợ từ các cơ quan học thuật, tính độc đáo không thể phủ nhận trong công việc của ông còn thể hiện ở chỗ ông đã biết cách gắn kết thành công một công việc nghiên cứu mang tính kinh nghiệm trên thực địa với việc khai thác một lĩnh vực mà lúc đó hầy còn ở giai đoạn phác thảo sơ khai, đó là nghiên cứu kỹ nghệ văn hoá.

Từ một quan điểm thuần tuý mang tính khảo tả dân tộc học, với một năng lực quan sát nhạy bén, Henri Oger đã cùng một thợ vẽ người Việt đi khắp các đường phố Hà Nội và các vùng ven đô để ghi lại sự phong phú đa dạng tuyệt vời của các ngành nghề thủ công, các hoạt động buôn bán và nghệ thuật dân gian của dân tộc nhỏ bé này, đồng thời lại không hề bỏ sót bất kỳ khía cạnh nào của cả đời sống riêng tư và đời sống công cộng khi đó. Cần phải nhắc lại rằng vào thời đó, các điều tra xã hội học và dân tộc học do các nhà khoa học tiến hành trực tiếp trên thực địa hầy còn khá hiếm hoi. Những công trình hàn lâm chủ yếu dựa vào những quan sát và dữ liệu do những người không chuyên cung cấp (các giáo sỹ thừa sai, giới quân sự, các nhà thám hiểm) và được dựng lại dưới hình thức của các báo cáo hay các du ký.

Chính sự hoà mình trong một thời gian dài vào đời sống thường nhật của các tầng lớp cư dân đã khiến Henri Oger đi đến chỗ đặt lại câu hỏi về một loạt những quan điểm được xem như là những định đề mà ông đã từng tiếp thu, đặc biệt là quan điểm phổ biến trong giới thực dân cho rằng “kỹ nghệ ở xứ An Nam gần như là vắng bóng hoặc không đáng kể”. Theo tác giả, một sự khẳng định như trên bắt nguồn từ một sự thiếu hiểu biết trầm trọng về những hiện thực địa phương bởi lẽ nó đã bỏ qua vị trí quan trọng của các hoạt động thủ công và buôn bán mà những người “nông dân – công nhân” đã phát triển – những hoạt động đem lại cho họ nguồn thu nhập bổ sung cần thiết khi mà chỉ riêng việc trồng lúa không thể đáp ứng đủ.

Phương pháp thu thập và điều tra mà Henri Oger đã thực hiện rõ ràng đã gợi nhớ tới sự bắt đầu của một phân tích xã hội về các hệ thống kỹ thuật, nhất là bởi vị trí trung tâm dành cho nghiên cứu động tác. Ông đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc ghi lại bằng một chuỗi ký hoạ những giai đoạn khác nhau trong quá trình thao tác một dụng cụ hay một cỗ máy thô sơ của người công nhân

hay của người thợ thủ công. Phương pháp phân đoạn một tiến trình như vậy, mà theo tên gọi của nó là cho phép “tổ chức các chuỗi tập hợp với nhau”, giúp cho việc xác định và nghiên cứu những chu trình thao tác trong chuyên ngành nhân học kỹ thuật. Hơn thế nữa, từ nguyên tắc cho rằng việc nghiên cứu nền văn minh kỹ thuật của một dân tộc chính là nghiên cứu nền văn minh vật chất của dân tộc đó, tác giả đã đi đến chỗ quan tâm tới những thao tác được tiến hành mà không cần đến bất kỳ công cụ nào bởi lẽ chính cơ thể người thợ lại được sử dụng như là công cụ. Cuối cùng, bốn yếu tố của mọi tiến trình kỹ thuật như vậy đã được làm nổi bật: một chất liệu để người thợ tác nghiệp; các vật dụng (công cụ, phương tiện làm việc); các thao tác hay các nguồn năng lượng (dòng nước, lực kéo) cho phép vận hành các vật dụng; những biểu trưng riêng làm cơ sở cho các thao tác kỹ thuật⁶.

Điều kiện để mọi công việc thống kê, nhất là khi nó đòi hỏi một hình thức hoàn chỉnh, đạt được tính thích đáng là khi nó có khả năng sắp xếp theo trật tự một mô khổng lồ những dữ liệu thu thập được theo những dạng thức hiện tồn của công tác phân loại hoặc bởi việc xác định và áp dụng các nguyên tắc loại hình học có thể làm nổi bật những tổng thể có trật tự và gắn kết. Đó chính là đề xuất của tác giả khi ông khu biệt bốn nhóm kỹ thuật: 1. *những ngành nghề thủ công sử dụng những nguyên liệu thô lấy từ thiên nhiên* (kỹ năng nhà nông, chài lưới, săn bắt, vận tải, hái lượm); 2. *những ngành nghề thủ công chuyên gia công nguồn nguyên liệu lấy từ thiên nhiên* (nghề làm giấy, chế tác kim loại quý, đồ gốm, v.v...); 3. *những ngành nghề thủ công sử dụng nguồn nguyên liệu đã được chế biến* (thương mại, chế tác đá, vẽ và làm đồ sơn mài, v.v...); 4. *đời sống riêng tư và đời sống công cộng ở xứ An Nam* (các loại nhạc cụ, ma thuật và bói toán, trò chơi và đồ chơi, v.v...). Cho dù những dạng thức phân loại này có thể bị coi là còn sơ lược, đặc biệt nhóm thứ tư là một tập hợp hỗn tạp những thông lệ và thái độ ứng xử xã hội và văn hoá, song chúng đã gọi đủ bốn lĩnh vực lớn của các hoạt động kỹ thuật đã được André Leroi-Gourhan xác định vào đầu những năm 1940⁷: các kỹ thuật tiếp nhận, sản xuất, lắp ráp và tiêu dùng, mà trong đó chiều kích văn hoá giữ vai trò quyết định đối với các thông lệ tiêu dùng.

Tuy nhiên, trong khi Henri Oger nhấn mạnh trong bài viết đề dẫn của mình sự cấp thiết của việc sắp xếp theo bốn nhóm lớn và theo lôgic biên niên của sự phân tích các tiến trình kỹ thuật thì kết quả đem lại của tập tranh khắc lại đối lập hoàn toàn: nó không hề thể hiện chút nào mối bận tâm sắp xếp theo trật tự những tư liệu thu thập được trên thực địa. Để thấy điều này, chỉ cần lật một trang sách bất kỳ là ta sẽ thấy bên cạnh cảnh một cậu bé đang chơi điều lại là hình ảnh những kẻ mắc tội ngoại tình đang chịu hình phạt; hay hình vẽ một bà bán rong hoa quả bên cạnh một người chèo thuyền đang điều khiển con thuyền của mình; rồi hình ảnh những dụng cụ của thợ khắc gỗ bên cạnh cảnh nhập quan người chết, v.v... Những lý do của sự tương phản gây bất ngờ như vậy giữa lời phát biểu về tính chặt chẽ của tác giả với tình trạng sắp xếp lộn xộn của các tờ tranh cho đến giờ vẫn còn là điều bí ẩn. Thực tế là trong phần nói về phương pháp xuất bản, Henri Oger

hoàn toàn không đề cập gì tới bố cục của các tờ tranh. Giả thuyết có vẻ đúng hơn cả là người thợ khắc gỗ đã ghép các hình vẽ thành một tờ tranh trước khi tiến hành công đoạn in cuối cùng.

Sự lắp ghép lộn xộn này, cho dù là cố tình hay do những bó buộc kỹ thuật, hoàn toàn không gây khó khăn cho việc tra cứu. Thậm chí ngược lại, nó còn phản ánh một cách trung thực tính đa dạng của một nền văn hoá dân gian vô cùng phong phú được nuôi dưỡng bởi một sự khéo léo tài tình dường như là vô hạn. Trong quá trình chuẩn bị cho lần tái bản này, chúng tôi đã nhiều lần lật giở tập tranh, thế nhưng mỗi lần xem lại đem đến cho chúng tôi cảm giác đang khám phá một khung cảnh phố phường mới mẻ, một công cụ hay một kỹ thuật nhà nông mà dường như trong những lần xem trước chúng tôi đã bỏ qua. Sự mộc mạc của nét vẽ, mỗi bận tâm khắc hoạ lại một cách cẩn thận nhưng lại không bị lệ thuộc vào những quy ước hàn lâm về phối cảnh, từ cử chỉ, tư thế cho tới biểu hiện của khuôn mặt, tất cả đã làm cho mỗi hình vẽ trở thành một tác phẩm độc nhất vô nhị mang một sức mạnh gọi hình thực sự. Chúng ta lần giở từng trang sách chẳng khác nào một nhà viễn du hiếu kỳ đang tản bộ trong khu vực 36 phố phường náo nhiệt. Đó là vì nếu tác phẩm này là một cỗ máy vượt thời gian tuyệt vời thì bầu không khí đậm tính nhân văn mà nó phục nguyên hãy còn là hiển nhiên cho tới tận ngày hôm nay. Tất nhiên là hoạt động thương mại đã đổi thay về chất khi mà những gánh hàng mã giò đã bị thế chỗ bởi những sạp hàng quần áo thời trang hay đồ lưu niệm dành cho khách du lịch, song những cảnh tượng của đời sống riêng tư thì vẫn luôn luôn được phô bày chẳng mấy ngại ngùng ngoài đường phố và ở những nơi chốn công cộng vốn vô cùng hiếm hoi, vỉa hè vẫn luôn đầy những người bán hàng rong và những hàng quán tạm bợ, vẫn còn đầy những quán hàng lộ thiên và khách bộ hành có thể thấy vô số những nghề vật và các hoạt động thủ công. Đối với những ai còn nghi ngờ, chúng tôi chỉ có thể khuyến khích họ sai bước qua những con phố mang những tên gọi hàm nghĩa như *Hàng Buồm*, *Hàng Quạt*, hay cả *Hàng Thiếc*; họ sẽ được thuyết phục!

Trong phần giới thiệu để dẫn dành cho nghiên cứu về tranh dân gian Việt Nam của mình, Maurice Durand đã nhận xét rất chính xác rằng: “Dù rằng đây là một cách nói đầy khuôn sáo, nhưng trong bối cảnh hiện tại thì lối nói này vẫn còn nguyên giá trị, tranh dân gian Việt Nam hé lộ cho chúng ta thấy tâm hồn của dân tộc Việt Nam như là nó đã được nhào nặn từ những tín ngưỡng, văn thơ, những lý tưởng, lịch sử cũng như cả những mô thức độc đáo của đời sống thường nhật của dân tộc này”. Để tránh sa vào việc diễn đạt lại lời của tác giả, có thể nói rằng toàn bộ các hình vẽ và ký hoạ được giới thiệu trong tập sách đã được xuất bản cách đây cả một thế kỷ này không chỉ cho chúng ta thấy sự phong phú của kho tàng kỹ thuật và tri thức dân gian Việt Nam mà còn là một kho bảo tồn di sản độc nhất vô nhị ở thế loại này.

Nếu đem ra so sánh thì tập hợp chuyên khảo về các phường nghề thủ công được Henri Oger giới thiệu trong phần đề dẫn có vẻ nhạt nhẽo và mang dấu ấn của quan điểm thực dân thời đó. Ông đã xác định một số nét nổi trội của ngành nghề thủ công gia đình Việt Nam, những đặc điểm mà ông cho rằng gắn liền với việc luôn phải sẵn sàng đấu tranh cho sự sinh tồn trong “vùng châu thổ Bắc Kỳ quá đông dân”. Ông đã mô tả sự phân công lao động ở cường độ cao, huy động sự tham gia của mọi lứa tuổi, từ trẻ con cho tới người già cả; ông đã nhận ra sự phân tán của các nghề và hoạt động buôn bán thành vô vàn những nghề phụ và buôn bán nhỏ mà ở đó mỗi người chuyên sản xuất ra một loại thực phẩm, mỗi tiểu thương lại bán một loại hoa quả; ông nhấn mạnh vai trò hàng đầu của phụ nữ trong phần lớn các hoạt động sản xuất. Rồi đôi khi ông lại quá mê mải với chất lượng của các vật dụng được làm ra và sự chính xác trong động tác của một người thợ, ví như những suy nghĩ góp nhặt ngẫu nhiên sau: “Tre được sử dụng thật tài tình”; “Trong nghề chài lưới, người bản xứ thể hiện một năng lực quan sát và một dáng vẻ duyên dáng trong các thao tác thật đáng ngưỡng mộ”.

Tuy vậy, mỗi thiện cảm rõ ràng là rất chân thành này lại không thoát khỏi ảnh hưởng của quan điểm tiến hoá luận vốn độc tôn ngự trị trong lĩnh vực khoa học xã hội lúc đó. Vì thế mà tác giả đã khẳng định rằng: “Dân tộc An Nam thuộc vào nhóm những dân tộc bán – văn minh, có những tiến bộ đáng kể song còn chậm chạp” và tô điểm cho bài viết của mình những đánh giá đi ngược lại với một số nhận xét mang đầy sự khâm phục của chính ông: “Người thợ thêu không có chút khiêu thâm mỹ nào. Y chẳng hề biết vẽ.”, “Người bản xứ, giống phần lớn những người nguyên thủy, bận tâm đến chuyện giá rẻ hơn là chất lượng của đồ vật.”; vô vàn những suy nghĩ như vậy ngày nay hẳn sẽ bị xem là coi thường người khác một cách quá đáng và thậm chí còn có thể bị coi là mang đầu óc phân biệt chủng tộc. Thế nhưng, Henri Oger đơn giản chỉ là một con người thuộc về thời đại của mình, mang trong mình niềm tin vào tính ưu việt nội tại của mô hình văn minh tư sản phương Tây so với mọi xã hội ngoại lai, thứ lược đồ tư tưởng hệ khiến cho ông tin vào tính hợp thức của công cuộc thực dân và sứ mệnh khai hoá văn minh của nước Pháp. Nói cách khác, ông đã áp đặt vào xã hội Việt Nam một cách nhìn nhận tự coi là mang tính phổ quát và do vậy là không thể sai lầm bởi lẽ nó thuộc về trật tự mang tính tự nhiên của mọi sự vật. Và chính với trạng thái tinh thần này mà ông đã nên lời kết cho phần đề dẫn của mình bằng cách đưa ra quan điểm của ông về “tương lai của kỹ nghệ xứ An Nam”. Để cho nó có thể nảy nở và trở thành một nguồn thu nhập quan trọng cho xứ thuộc địa, Henri Oger kêu gọi thành lập các trường nghề hướng tới sự phát triển của một hình thức tư bản bản xứ là nơi mà nền kỹ nghệ được tổ chức dưới hình thức xưởng sản xuất tập thể sẽ dần dần thay thế cho hình thức ngành nghề thủ công gia đình mà ông thường xem là mang tính sơ khai, trì trệ vì không có khả năng đổi mới.

Lần xuất bản đầu tiên (1909) và lần tái bản do Trung tâm EFEO Hà Nội thực hiện (2008)

Vấn đề còn lại đối với Henri Oger là công bố công trình thống kê đáng khâm phục của mình. Ngoài vấn đề tài chính, công việc này còn vấp phải một thách thức kỹ thuật rõ ràng. Thực tế là 4.000 hình vẽ kèm thuyết minh bằng chữ Hán – Nôm đã được khắc lên các tấm ván gỗ bởi một nhóm thợ khắc thủ công trú tại chùa Vũ Thạch rông rã hai tháng trời không thể đưa vào dưới trục lăn của máy in. Tác giả đã nói về những khó khăn vấp phải khi bước vào giai đoạn in: “4.000 bản khắc đã được hoàn tất, mùa hè thì đã tới; không thể nào cho chạy các bản in dưới các con lăn của máy. Chúng đều đã cong vênh”.

Chính vì lẽ đó mà ông đã phải sử dụng đến kỹ thuật in dập bằng cách dập các tờ giấy dó lên các tấm ván khắc. Đó chính là cách thức mà 60 bản in của Đại cương *Nghiên cứu về kỹ thuật của dân tộc An Nam* trong khuôn khổ tuyển tập *Lưu trữ tư liệu nghệ thuật học, dân tộc học, xã hội học của Trung Quốc và Đông Dương* đã được tạo ra. Bộ sách gồm có hai tập: tập một gồm một bản văn đề dẫn do tác giả biên soạn (160 trang kèm trong đó là 33 tờ tranh); tập hai là bộ tranh gồm 700 trang khổ đôi (65cm x 42cm) với 4.000 hình vẽ, sơ đồ và bức vẽ. Công việc này có lẽ đã được hoàn tất vào năm 1909 và không hề nộp lưu chiểu bởi được in tại Việt Nam.

Do được xuất bản với một số lượng rất hạn chế, không quá 60 bản, công trình của Henri Oger thực sự là hiếm hoi. Ngay cả tại Việt Nam cũng chỉ xác định được 2 bản: bản thứ nhất không hoàn chỉnh, hiện được giữ tại Thư viện Quốc gia, bản còn lại thuộc về Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Do bản thứ hai có chất lượng tương đối tốt cũng như nhờ vào quan hệ hợp tác gắn bó với cơ quan này nên chúng tôi đã sử dụng bản này. Ở ngoài Việt Nam cũng có một số bản được lưu giữ tại các thư viện của các cơ sở đại học như Johns Hopkins Baltimore, Southern Illinois University Carbondale, University of California Berkeley, Cornell University dưới dạng vi phim, và tại Thư viện Nghệ thuật và Khảo cổ học, Paris IV Sorbonne. Tuy nhiên, bản lưu tại thư viện của Đại học Keio, Minato-Ku, Nhật Bản chứa đựng một số nghi vấn bởi lẽ nó gồm 935 tờ tranh, tức là hơn 235 tờ so với sách gốc. Nhờ vào những tiếp xúc của các đồng nghiệp người Việt Nam của chúng tôi, đặc biệt là thông qua GS. Phan Huy Lê, với các đồng nghiệp người Nhật Bản mà chúng tôi được biết là thư viện của nhà trường đã mua lại các tranh này từ bộ sưu tập cá nhân của Henri Oger trong những năm 1950, và vì thế mà bản lưu của họ có thêm những hình vẽ chưa từng được công bố.

Ngoài ra, cũng cần phải lưu ý rằng tổng tập do Henri Oger xây dựng đã được khai thác cho trưng bày hoặc xuất bản một số lần, trong đó đáng kể có hai dịp. Thứ nhất là theo sáng kiến của Viện Từ điển Bách khoa thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội

Việt Nam. Viện này dự kiến xuất bản một loạt sổ tay giới thiệu theo chủ đề các hình vẽ từ cuốn sách của Oger. Chúng tôi chỉ có trong tay số đầu tiên ra tháng 10/1985. Lời giới thiệu vẫn tắt nhấn mạnh việc khó xác định căn tính những người đã cộng tác với Henri Oger, đó là 30 thợ vẽ và thợ khắc đã thực hiện bộ sách. Chỉ một số cái tên được làm rõ, đó là các ông Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Văn Giai và Phạm Văn Thiêu, thuộc làng Thanh Liễu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, cũng như ông Phạm (Trọng) Hải, người làng Nhân Dục, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Có vẻ như người có tay nghề khá hơn cả là ông Nguyễn Văn Đăng (1874 – 1956)⁸.



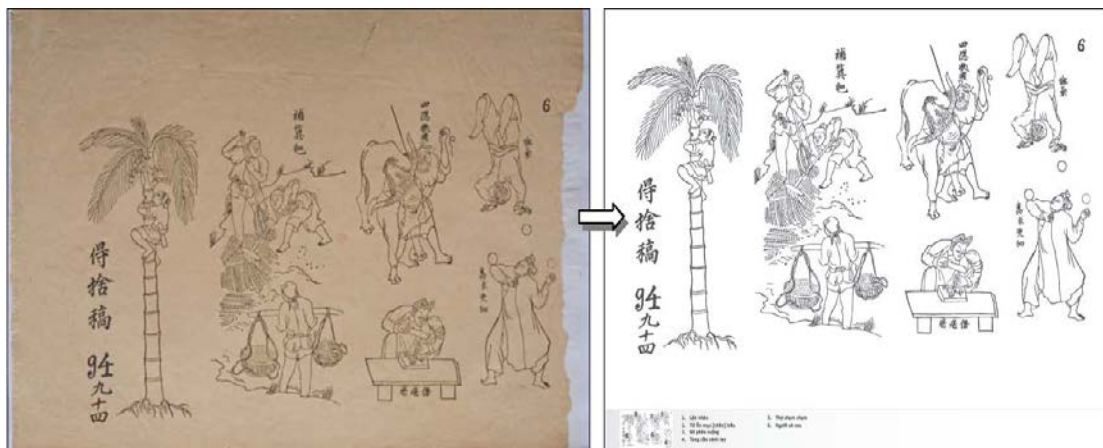
Sáng kiến thứ hai thuộc về ông Nguyễn Mạnh Hùng là người đã cho xuất bản một tuyển tập hình vẽ của Henri Oger, mà một số hình trong đó được tô màu, kèm theo một bản văn song ngữ (chữ quốc ngữ và tiếng Anh) lời bình cho từng hình vẽ được chọn⁹. Cũng chính tác giả này đã bảo vệ luận án Phó Tiến sỹ¹⁰ với nội dung là phân tích xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX qua nghiên cứu công trình của Henri Oger.

Trong bối cảnh này, do tính chất độc nhất vô nhị của bộ sách tư liệu do Henri Oger tập hợp cũng như giá trị khoa học và thẩm mỹ của nó, Trung tâm EFEO tại Hà Nội đã quyết định tiến hành tái bản bộ sách trọn bộ. Ấn phẩm được chia thành hai tập. Tập thứ nhất là văn bản của Henri Oger trình bày bằng ba ngôn ngữ (Pháp, Việt và Anh) mang tiêu đề *Đại cương về nghiên cứu kỹ thuật của người An Nam* có kèm theo tiểu sử về ông do Pierre Huard viết và lời nói đầu của Philippe Le Failler và Olivier Tessier (EFEO), trong đó làm rõ tầm mức của công việc mà

Henri Oger đã thực hiện, bối cảnh lịch sử đặc thù mà trong đó ông đã tiến hành công việc này cũng như tính chất tiên khu của công trình trong lĩnh vực nhân học kỹ thuật thông qua một nghiên cứu trường hợp là nghề làm giấy dó thủ công.

Tập thứ hai là phần giới thiệu đầy đủ 700 tờ tranh đã được số hoá và xử lý theo một định dạng chuẩn. Giá trị bổ sung của lần tái bản này so với lần xuất bản đầu tiên chính là ở chỗ cho phép độc giả tiếp cận được với toàn bộ những thuyết minh và lời chú gốc chữ Hán và chữ Nôm nay đã được dịch sang chữ quốc ngữ. Toàn bộ phần chuyển ngữ được đặt trong một ô màu xám ở bên lề dưới của từng trang sách để đảm bảo tính nguyên vẹn của tài liệu gốc.

Định dạng gốc trên giấy dó (tranh khắc N°6) và định dạng đã được xử lý kèm theo chuyển ngữ của lời thuyết minh



Cuối cùng, song song với bản in 2.000 đầu sách, bản số hoá hai tập sách cũng được phát hành dưới dạng đĩa DVD (1.000 bản). Bản số hoá được thiết kế với một hệ thống nhận dạng hình ảnh cho phép độc giả khi nhấp chuột vào một hình vẽ thì sẽ xem được một “hộp thoại” giới thiệu chú giải của Henri Oger (bảng phân tích) bằng ba thứ tiếng. Thao tác tương tự được sử dụng để xem phần chuyển ngữ những thuyết minh (chữ Nôm và chữ Hán) sang chữ quốc ngữ.



Kết luận

Vấn đề giờ đây là khai thác kho tàng thông tin lịch sử, xã hội và văn hoá mà 700 tờ tranh chứa đựng những hình vẽ và ký hoạ này đem lại. Nếu như việc tái bản công trình thống kê này là một đóng góp có ý nghĩa cho sự hiểu biết sâu sắc hơn về nền văn minh vật chất Việt Nam, thì nó không phải đã là một sự hoàn tất. Nó còn cần phải là nguồn tư liệu giúp cho các nghiên cứu khoa học mới thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau.

Một sự xử lý bước đầu các nguồn dữ liệu thô cần phải cho phép tái dựng những chu trình tác nghiệp và những lĩnh vực kỹ thuật dựa vào việc đặt riêng và sắp xếp theo nhóm các hình vẽ giới thiệu cùng một hoạt động thủ công, cùng một cách thức tiêu dùng, cùng một khía cạnh của đời sống thường nhật (trò chơi trẻ con, sinh hoạt văn hoá, biểu đạt nghệ thuật, v.v...). Bảng phân tích được tác giả lập ra cũng như phân dịch ra chữ quốc ngữ các thuyết minh chữ Hán chính là những công cụ hỗ trợ cho công việc này.

Giai đoạn bước đầu cần thiết này có thể được bổ sung bằng một phân tích năng động về tiến trình phát triển của các kỹ thuật sản xuất và tiêu dùng trong thế kỷ đã qua. Việc một số nghề hay một số ngành kỹ thuật vẫn còn được duy trì y nguyên trong khi một số khác đã biến đổi cùng với thời gian hay đơn giản là đã biến mất đòi hỏi một sự suy tư về các hiện tượng vay mượn, phổ biến và sáng tạo cũng như cải tiến kỹ thuật và, tựa hồ như một tấm gương, điều này giúp chúng ta biết về tiến trình phát triển của các phương thức tiêu dùng. Ví dụ, chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu đối sánh tổng hợp về những giai đoạn khác nhau trong chu trình sản xuất giấy dó hồi đầu thế kỷ XX và như là đang được thực hiện ngày nay. Nghiên cứu này cho thấy có một sự tương đồng đáng ngạc nhiên giữa các thao tác và những công cụ được sử dụng, đó chính là tính liên tục của tiến trình sản xuất như là cái đảm bảo cho một sự trao truyền thành công những tri thức kỹ thuật.

Còn có một địa hạt nghiên cứu khả dĩ nữa nếu chúng ta xuất phát từ định đề cho rằng bất kỳ kỹ thuật nào cũng đều là một sản phẩm xã hội mới mẻ, theo nghĩa là nó phục vụ cho xã hội chứ không phải là ngược lại. Một kỹ thuật, dù là gì đi nữa, đều mang chứa hai chiều kích gắn bó chặt chẽ với nhau: một chiều kích vật lý, gắn liền với cách thức mà nó đóng góp vào hành động nhằm vào chất liệu, và một chiều kích thông tin là cái gắn với “phong cách” của nó. Nghiên cứu chiều kích thứ hai này cần phải giúp vén lộ một tổng thể những chuẩn mực xã hội và văn hoá vốn giao thoa với sự hình thành và diễn biến của chính quá trình kỹ thuật (tư thế, quan hệ với công cụ và những kiêng kỵ, phân chia lao động theo giới tính, thực hành tôn giáo và tín ngưỡng gắn với việc sử dụng một số công cụ hay chất liệu, v.v...). Nói một cách nôm na hơn thì việc phân tích “phong cách” của các sản phẩm được làm ra cộng với những dạng thức sử dụng của chúng sẽ còn cung cấp cho chúng ta thông tin về những chuẩn thẩm mỹ được mên chuộng lúc đó và, một cách tổng quát hơn nữa, về phương thức sống của giới bình dân. Như vậy vấn đề ở đây là có được một sự suy tư về những xu hướng chủ đạo, về những sự quy tụ các khía cạnh, hình thức và phong tục.

Chúng ta cũng có thể tính đến một tiếp cận ngữ nghĩa học đối với những kỹ thuật và tri thức dân gian từ những tên gọi và những thuật ngữ mang đặc trưng phương ngữ sử dụng trong phần thuyết minh, hay cả việc thực hiện một phân tích về các phường nghề và những nguyên tắc tổ chức xã hội và địa lý của các làng nghề chuyển tới Hà Nội theo một lôgic chuyên môn hoá theo phố hay theo khu phố, v.v...

Tựu trung, chúng tôi không có tham vọng dựng lại một danh mục hoàn chỉnh những đường hướng nghiên cứu tiềm năng chờ được khai phá và cũng không định phác ra những nét đại cương của một chương trình nghiên cứu tới đây. Chúng tôi chỉ đơn giản muốn chứng minh giá trị và tính hữu dụng của công trình mang tính tiên khu của Henri Oger đối với các nghiên cứu về Việt Nam cả trong lịch sử cũng như đương đại.

Công trình giờ đây đang chờ được khai phá.

CHÚ THÍCH

- ¹ Song cũng không được bỏ qua một điều: Jean Ajalbert, thuộc Viện Hàn lâm Goncourt, đã có một đường đi rõ ràng khiến ta phải bối rối khi ông mắc tội với lực lượng Giải phóng bởi thái độ ủng hộ dành cho Pétain và Doriot như đã được thể hiện trong các bài viết của ông phục vụ cho chính quyền trong giai đoạn chiếm đóng. Hậu quả là sau đó ông có tên trong danh sách những tác giả đã bị cấm xuất bản theo quyết định của Ủy ban quốc gia các nhà văn.

- ² Bên cạnh nhiều dự án khác, Henri Oger đã thông báo về việc xuất bản (N^o7) công trình *Jean Ajalbert, cuộc đời và tác phẩm kèm một tiểu sử hoàn chỉnh*.
- ³ Maurice Durand, 1960, *Tranh dân gian Việt Nam*, ấn phẩm của Viện Viễn đông bác cổ, tập XLVII, Paris (chuẩn bị tái bản).
- ⁴ Bài đăng trên *BEFEO*, LVII, 1970, tr.215 - 217.
- ⁵ Bài đăng trên *Tạp chí Đông Dương*, số 57, ra ngày 15/5/1907, tr.52 - 167.
- ⁶ Cresswell R., 1992, mục từ “Công nghệ”, *Từ điển dân tộc học và nhân học*, Bonte P. et Izard M. (Chủ biên), Paris, PUF, tr.698 – 701.
- ⁷ Leroi-Gourhan A., 1943, *Tiến trình và công nghệ, con người và chất liệu*, Paris, Albin Michel.
- ⁸ *Bách khoa thư bằng tranh, Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Viện Từ điển Bách Khoa - Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, 1985, 32 tr.
- ⁹ Nguyễn Mạnh Hùng, 1989, *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ XX - Vietnamese woodcuts at the beginning of the 20th century*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 203 tr.
- ¹⁰ Nguyễn Mạnh Hùng, 1996, *Xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua bộ tư liệu kỹ thuật người An Nam của Henri Oger*, Luận án Phó Tiến sỹ Khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 179 tr.